

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHẠM MẠNH CẢNH

**PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM DO HÀNH VI
CỦA NGƯỜI THỨ BA TRONG HỢP ĐỒNG MUA
BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ THEO CÔNG ƯỚC VIÊN 1980
VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI VIỆT NAM**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, NĂM 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. VŨ THỊ HƯƠNG**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng
năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	4
6. Đóng góp khoa học và thực tiễn của luận văn	4
7. Kết cấu luận văn	4
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM DO HÀNH VI CỦA NGƯỜI THỨ BA TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ.....	5
1.1. Khái quát trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế	5
1.1.1. Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế	5
1.1.2. Khái niệm trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế .	6
1.1.3. Cấu thành trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế:	6
1.1.4. Các chế tài áp dụng do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	7
1.2. Khái quát về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba (bên thứ ba) trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.	7
1.2.1. Khái niệm hành vi pháp lý của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế	7
1.2.2. Khái niệm miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba (bên thứ ba) ...	7
1.3. Khái quát pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên 1980	8
1.4. Ý nghĩa của trường hợp miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	8

Kết luận chương 1	9
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM DO HÀNH VI CỦA NGƯỜI THỨ BA TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC VIÊN 1980 VÀ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM.....	9
2.1. Thực trạng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên 1980 và pháp luật Việt Nam	9
2.1.1. Quy định của Công ước Viên 1980 về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	9
2.1.2. Pháp luật Việt Nam về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	13
2.1.3. Nghĩa vụ khi xảy ra trường hợp áp dụng miễn trừ theo quy định của Công ước Viên 1980	14
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.	15
2.3. Đánh giá khả năng nội luật hoá quy định của Công ước Viên 1980 về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	15
Kết luận chương 2	16
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM DO HÀNH VI CỦA NGƯỜI THỨ BA TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ	16
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.....	16
3.1.1. Thễ chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước	16
3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế	16

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.	17
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.	17
Kết luận chương 3	18
KẾT LUẬN	19
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	19

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong xu thế toàn cầu hóa như hiện nay các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đều đặc biệt chú trọng quan tâm đến việc thúc đẩy quá trình hội nhập và đẩy mạnh phát triển nền kinh tế. Các quốc gia không chỉ mở rộng nền kinh tế trong phạm vi cấp lãnh thổ của mình mà còn đẩy mạnh liên kết, hợp tác kinh tế với nhiều quốc gia trên thế giới. Đi liền với sự phát triển của nền kinh tế thì các hoạt động thương mại quốc tế cũng diễn ra phổ biến và ngày càng đa dạng dưới nhiều hình thức khác nhau. Hoạt động thương mại quốc tế diễn ra trong nhiều lĩnh vực khác nhau như thương mại hàng hóa, thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, thương mại về dịch vụ; thương mại trong lĩnh vực đầu tư... Trong đó các giao dịch trong lĩnh vực thương mại hàng hóa luôn diễn ra sôi động nhất, giữ vị trí trung tâm trong các giao dịch thương mại quốc tế. Hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra giữa thương nhân các quốc gia cũng là một hình thức phổ biến nhất trong các hoạt động thương mại quốc tế.

Ngày nay, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hình thức chủ yếu nhất của các giao dịch trong lĩnh vực thương mại hàng hóa quốc tế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nói chung và hợp đồng mua bán hàng hóa nói riêng khó tránh khỏi nguy cơ xảy ra hành vi vi phạm từ phía các bên tham gia. Và đặc biệt đối với hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế khi mà có những rào cản về ngôn ngữ, phong tục tập quán, thói quen thương mại, pháp luật quốc gia... khác nhau giữa các bên thì những nguy cơ về hành vi vi phạm hợp đồng có thể luôn thường trực xảy ra và ảnh hưởng đến lợi ích của các bên tham gia. Vì vậy, để ngăn chặn, xử lý và hạn chế đến mức thấp nhất điều đó mà pháp luật các quốc gia nói riêng cũng như pháp luật quốc tế nói chung đã đưa ra những quy định về các hình thức chế tài cũng như các trường hợp miễn trách nhiệm trong thương mại nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích của bên khi tham gia ký kết thực hiện hợp đồng. Bên cạnh các chế tài thương mại thì việc quy định các trường hợp miễn trừ trách nhiệm khi có hành vi vi phạm xảy ra trong hợp đồng mua bán hàng hóa cũng đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đối với việc giải quyết khi xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, các quy định về miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế hiện nay của nước ta còn mang tính chất sơ sài, chung chung và thực tiễn còn tồn tại một số bất cập cần phải giải quyết, đặc biệt về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba còn chưa có quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật Việt Nam. Chính vì vậy, tôi đã quyết định chọn đề tài ***“Pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên 1980 và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam”*** làm đề tài luận văn.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hiện nay, việc nghiên cứu về chế định hợp đồng thương mại quốc tế nói chung và về miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

nói riêng đã được nghiên cứu và khai thác ở các khía cạnh khác nhau. Có thể kể đến các công trình nghiên cứu sau đây:

Nguyễn Thị Hương (2014), *Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.

Lý Minh Hằng (2014), *Miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Khúc Thị Trang Nhung (2014), *Những vấn đề về miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng theo pháp luật Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Hương (2014), *Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa luật Đại học quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Thị Tuyết (2013), *Vấn đề miễn trách nhiệm trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên 1980 và pháp luật Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Đặng Bá Kỳ (2020), *Bàn về bất khả kháng – căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán hàng hóa Việt Nam & Quốc tế*. Bài viết phân tích quy định của pháp luật về căn cứ miễn trừ trách nhiệm do gặp trường hợp bất khả kháng, đồng thời chỉ ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật.

Bùi Hưng Nguyên (2014), *Bình luận về miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng tại Điều 294 Luật thương mại 2005*. Nghiên cứu về các căn cứ miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 294 Luật thương mại 2005; phân tích và bình luận về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguyễn Hùng Cường, *Phân tích và bình luận các quy định về các trường hợp miễn trừ đối với hành vi vi phạm*, <https://123doc.org/document/1292186-phan-tich-va-binh-luan-cac-quy-dinh-ve-cac-truong-hop-mien-trach-nhiem-doi-voi-hanh-vi-vi-pham.htm> , truy cập ngày 12/3/2023; Lê Hiền, *Miễn trách nhiệm do lỗi của bên thứ ba tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định của pháp luật quốc tế*, <http://caodangluatmientrung.edu.vn/vi/news/Nghien-cuu-trao-doi/Mien-trach-nhiem-do-loi-cua-ben-thu-ba-tham-gia-thuc-hien-mot-phan-hoac-toan-bo-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-quoc-te-776.html>;

Lê Thị Anh Xuân, Nguyễn Thị Minh Trang (2021), *Miễn trách nhiệm do có sự tham gia của bên thứ ba theo CISG 1980 và pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Kiểm sát.

Các bài viết trên phân tích quy định của Công ước Viên 1980 về miễn trách nhiệm do lỗi của người thứ ba là bên thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng. Đồng thời chỉ ra các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến trường hợp miễn trừ do hành vi của người thứ ba.

Có thể thấy, các công trình nêu trên được các tác giả nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau như: tổng thể về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; phân tích

các căn cứ miễn trách và so sánh sự tương thích giữa quy định miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế giữa pháp luật Việt Nam và Công ước Viên 1980.

Do đó, luận văn sẽ kế thừa cơ sở lý luận của các công trình này như khái niệm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, căn cứ miễn trừ trách nhiệm và một số đánh giá liên quan đến bất khả kháng cũng như trường hợp miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba. Luận văn sẽ tiếp tục nghiên cứu thực trạng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba theo quy định của Công ước Viên 1980, đối chiếu so sánh với pháp luật Việt Nam. Đồng thời, luận văn sẽ đánh giá khả năng nội luật hoá quy định của Công ước Viên 1980 về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba vào quy định của pháp luật Việt Nam, đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn đề xuất những giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, luận văn nghiên cứu vấn đề lý luận về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Thứ hai, luận văn nghiên cứu thực trạng quy định của Công ước Viên 1980 và pháp luật Việt Nam hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Thứ ba, luận văn nghiên cứu thực trạng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu:

Thứ nhất, các vấn đề lý luận pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;

Thứ hai, các quy định của Công ước viên 1980 và pháp luật Việt Nam về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Thứ ba, thực tiễn thực hiện pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu các quy định về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo Công ước Viên 1980, pháp luật Việt Nam để làm rõ nét khác biệt so với quy định của pháp luật Việt Nam.

- Về không gian: Việt Nam

- Về thời gian: Từ năm 2012-2022

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lê nin, là chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; quan điểm đường lối của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp phân tích được sử dụng trong việc phân tích các quy định của Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, pháp luật một số quốc gia về các căn cứ miễn trừ trách nhiệm hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế. Phân tích điều kiện để áp dụng các căn cứ miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

Phương pháp so sánh và đối chiếu được sử dụng để làm rõ về căn cứ miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế trong quy định của pháp luật Việt Nam với quy định của Công ước Viên 1980.

Phương pháp bình luận được sử dụng trong việc nhận xét, đánh giá và đưa ra quan điểm về những hạn chế còn tồn tại trong của pháp luật Việt Nam về miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

Phương pháp tổng hợp sử dụng trong việc kết luận lại các vấn đề đã phân tích trong luận văn.

6. Đóng góp khoa học và thực tiễn của luận văn

6.1. Đóng góp khoa học

Kết quả nghiên cứu đã góp phần bổ sung các lí luận pháp luật về miễn trừ trách nhiệm hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

Giải pháp trong luận văn góp phần hoàn thiện các quy định pháp luật pháp luật về miễn trừ trách nhiệm hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, góp phần nội luật hoá và tạo ra sự tương thích giữa pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế.

6.2. Đóng góp về thực tiễn

Luận văn là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy và tham khảo trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì luận văn được kết cấu thành 3 chương.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế theo quy định của Công ước Viên 1980 và pháp luật Việt Nam.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Chương 1.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM DO HÀNH VI CỦA NGƯỜI THỨ BA TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ

1.1. Khái quát trách nhiệm pháp lý do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế

1.1.1. Khái niệm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế chính là hình thức pháp lý của hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế. Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế có ý nghĩa pháp lý và thực tiễn hết sức quan trọng bởi nó gắn liền với việc xác định luật nào được áp dụng để điều chỉnh quan hệ của các bên trong hợp đồng. Việc trụ sở thương mại của các bên trong hợp đồng thương mại quốc tế nằm trên lãnh thổ của các quốc gia khác nhau không chỉ có nghĩa các bên nằm trên lãnh thổ của các nước khác nhau mà còn có nghĩa là các bên liên quan đến các hệ thống pháp luật khác nhau.

Cũng tại Điều 1 Công ước Viên 1980 có quy định: “*Công ước này áp dụng cho các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau*”. Như vậy, theo quy định của Công ước Viên 1980 có thể hiểu hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa các bên mà các bên tham gia đó phải có trụ sở thương mại tại các quốc gia khác nhau.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam tại Điều 27 Luật Thương mại năm 2005 có quy định:

“Mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện dưới các hình thức xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập và chuyển khẩu.

Mua bán hàng hóa quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị tương đương”.

Có thể nhận thấy, giữa cách hiểu về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế của pháp luật Việt Nam và khái niệm về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế trong Công ước Viên 1980 có sự khác biệt. Nếu trong pháp luật Việt Nam, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được xác định thông qua yếu tố chuyển dịch hàng hóa ra vào lãnh thổ biên giới quốc gia thì trong pháp luật quốc tế lại dựa vào yếu tố trụ sở thương mại của các bên ký kết hợp đồng để xác định. Sự khác biệt về cách hiểu này cũng đã tạo ra không ít khó khăn trong việc xác định và lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng một cách phù hợp nhất.

Như vậy, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là hợp đồng được ký kết giữa các bên có trụ sở thương mại (quốc tịch) khác nhau hoặc hàng hoá nằm trên lãnh

thổ các quốc gia khác nhau nhằm xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên trong mua bán hàng hóa quốc tế.

1.1.2. Khái niệm trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Có thể hiểu, trách nhiệm pháp lý là hậu quả bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu do hành vi xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác, được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế do pháp luật quy định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể bị vi phạm.

Vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định pháp luật. Vi phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng¹.

Như vậy, trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, nếu như các bên tham gia không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng thì đồng nghĩa với việc đã có hành vi vi phạm xảy ra và bên vi phạm trong trường hợp này sẽ phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình.

Từ những phân tích trên có thể rút ra rằng, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế được hiểu là phần hậu quả pháp lý bất lợi với các chế định, chế tài được quy định bởi pháp luật và hợp đồng áp dụng mà bên vi phạm phải gánh chịu và phải thực hiện do hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng của mình. Phần hậu quả được nói đến ở đây chính là những chế tài sẽ được áp dụng đối với hành vi vi phạm đó. Các chế tài có thể kể đến như: buộc thực hiện đúng hợp đồng; phạt vi phạm; bồi thường thiệt hại; tạm ngừng thực hiện hợp đồng; đình chỉ thực hiện hợp đồng; hủy bỏ hợp đồng và các biện pháp khác do các bên thỏa thuận không trái với pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và tập quán thương mại quốc tế.

1.1.3. Cấu thành trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế:

Thứ nhất, xét về yếu tố hành vi vi phạm thì có sự vi phạm các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Sự vi phạm này có thể là không thực hiện; thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ những cam kết trong hợp đồng giữa hai bên. Các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng và các quy định của pháp luật chính là cơ sở để đánh giá có hay không hành vi vi phạm xảy ra. Bên có hành vi vi phạm phải chịu trách nhiệm trước bên bị vi phạm.

Thứ hai, về thiệt hại xảy ra trên thực tế. Thiệt hại này phải là thiệt hại vật chất mà bên vi phạm gây ra cho bên bị vi phạm. Bên bị vi phạm có nghĩa vụ chứng minh những tổn thất và bên vi phạm phải chịu trách nhiệm tương ứng với mức độ thiệt hại thực tế xảy ra.

¹ Luật Dương Gia (2015), Trách nhiệm pháp lý khi vi phạm hợp đồng, <https://luatduonggia.vn/trach-nhiem-phap-ly-khi-vi-pham-hop-dong/>, truy cập Thứ năm 28/3/2023.

Thứ ba, xét về mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm và thiệt hại thực tế xảy ra. Bên vi phạm hợp đồng chỉ phải chịu trách nhiệm nếu bên bị vi phạm chứng minh được rằng hành vi vi phạm là nguyên nhân và thiệt hại về tài sản của bên bị vi phạm là hậu quả trực tiếp của hành vi vi phạm. Mối quan hệ này là mối quan hệ mang tính chất nội tại, tất yếu. Hành vi vi phạm hợp đồng là nguyên nhân trực tiếp, có ý nghĩa quyết định đối với thiệt hại xảy ra và ngược lại thiệt hại là hậu quả trực tiếp của hành vi vi phạm hợp đồng².

Thứ tư, về yếu tố lỗi. Lỗi được hiểu là biểu hiện của trạng thái tâm lý, ý thức của con người đối với hành vi của mình và hậu quả của hành vi đó. Khi có đủ ba yếu tố: có hành vi vi phạm; có thiệt hại thực tế xảy ra và mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và thiệt hại thì bên vi phạm sẽ được suy đoán là mặc nhiên có lỗi và phải gánh chịu trách nhiệm. Chính vì vậy, nếu bên vi phạm không muốn chịu trách nhiệm thì phải chứng minh mình không có lỗi.

1.1.4. Các chế tài áp dụng do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế

Theo quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế, nếu các bên vi phạm nghĩa vụ của mình trong hợp đồng thì sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý. Tùy theo từng trường hợp và mức độ vi phạm mà phải chịu một hoặc các hình thức trách nhiệm khác nhau như: Buộc thực hiện đúng hợp đồng; phạt hợp đồng; bồi thường thiệt hại; tạm ngừng thực hiện hợp đồng; đình chỉ thực hiện hợp đồng; hủy bỏ hợp đồng và khác biện pháp khác.

1.2. Khái quát về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba (bên thứ ba) trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

1.2.1. Khái niệm hành vi pháp lý của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung hay còn gọi là các quy tắc hành vi, là tiêu chuẩn của hành vi con người. Theo đó, hành vi là những phản ứng, cách xử sự được biểu hiện ra bên ngoài của con người trong những hoàn cảnh, điều kiện nhất định. Mỗi hành vi đều được hình thành trên cơ sở nhận thức và kiểm soát của chủ thể. Hành vi của con người có rất nhiều loại, và những hành vi nào của con người được pháp luật quy định, điều chỉnh thì được xem là hành vi pháp lý.

Thực tế, trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế, người thứ ba có thể là bất kỳ ai như cá nhân, pháp nhân,... có thể có hợp đồng hoặc không thông qua một hợp đồng nào với một trong các bên bán hoặc bên mua trong quan hệ mua bán hàng hoá quốc tế. Họ có thể là nhà cung cấp hàng hoá, cung cấp nguyên liệu,... cho bên bán trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế với bên mua.

Như vậy, hành vi pháp lý của người thứ ba có thể hiểu là hành vi pháp lý của một bên chủ thể thực hiện một sự kiện thực tế, cụ thể theo ý chí của con người làm xuất hiện, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật.

1.2.2. Khái niệm miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba (bên thứ ba)

² Nguyễn Thị Hương (2014), Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế - Luận văn Thạc sĩ Luật học, Khoa luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Trong quan hệ thương mại quốc tế, hợp đồng không chỉ được ký kết giữa bên bán và bên mua mà còn có sự tham gia của nhiều bên liên quan được gọi là bên thứ ba. Trường hợp bên thứ ba gặp khó khăn, ngay lập tức ảnh hưởng tới việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng; bên cạnh đó, khi một bên vi phạm hợp đồng, thường xảy ra tình huống họ viện dẫn lỗi của bên thứ ba tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng để hưởng miễn trách nhiệm.

Qua thực tiễn áp dụng, bên thứ ba thông thường được xác định là các nhà sản xuất, nhà cung cấp, nhà thầu phụ, công ty Logistics, ngân hàng... đồng thời, bên thứ ba phải là bên độc lập và có quan hệ hợp đồng với ít nhất một bên hợp đồng. Cần chú ý rằng, nhân viên hay người làm công của một bên không được coi là bên thứ ba theo quy định của pháp luật quốc tế.³

Như vậy, miễn trách nhiệm trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là việc bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng không phải chịu bất cứ chế tài nào đối với hành vi vi phạm do mình gây ra. Hành vi vi phạm ở đây có thể hiểu là bên vi phạm đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng với bên bị vi phạm.

1.3. Khái quát pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên 1980

Miễn trách nhiệm do lỗi của bên thứ ba tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo Công ước Viên 1980 là trường hợp bên vi phạm hợp đồng không trực tiếp gặp trở ngại, song vẫn có quyền yêu cầu được miễn trách nhiệm vì bên thứ ba có quan hệ với bên vi phạm gặp trở ngại khách quan. Bản chất của trường hợp này chính là miễn trách nhiệm do gặp bất khả kháng.

Như vậy, xác định miễn trừ trách nhiệm do người thứ ba có quan hệ với một bên trong hợp đồng khi có đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, có sự ủy quyền từ phía một bên trong hợp đồng cho bên thứ ba thực hiện hợp đồng. Và bên thứ ba này phải độc lập về cơ cấu lẫn kinh tế với bên vi phạm.

Thứ hai, hành vi vi phạm của bên thứ ba kéo theo sự vi phạm nghĩa vụ của một bên trong hợp đồng chính.

Thứ ba, hành vi vi phạm của bên thứ ba xuất phát từ sự trở ngại khách quan và sự trở ngại này thuộc trường hợp được miễn trừ trách nhiệm.

1.4. Ý nghĩa của trường hợp miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Khi tham gia vào quan hệ hợp đồng khó tránh khỏi những trường hợp xảy ra vi phạm. Không phải trong mọi trường hợp hành vi vi phạm đều thuộc về lỗi của bên vi phạm mà có những trường hợp hành vi vi phạm đó lại xuất phát từ lỗi của chính bên bị vi phạm hoặc một bên thứ ba nào khác. Khi xảy ra những trường

³Lê Hiền, Miễn trách nhiệm do lỗi của bên thứ ba tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định của pháp luật quốc tế, <http://caodangluatmientrung.edu.vn/vi/news/Nghien-cuu-trao-doi/Mien-trach-nhiem-do-loi-cua-ben-thu-ba-tham-gia-thuc-hien-mot-phan-hoac-toan-bo-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-quoc-te-776.html>, truy cập ngày 10/2/2023.

hợp đó, chế định miễn trừ trách nhiệm quy định bên vi phạm sẽ không phải thực hiện các nghĩa vụ đối với bên bị vi phạm vì họ không có lỗi dẫn đến thiệt hại cho bên kia.

Như vậy, chế định miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng không chỉ có ý nghĩa đối với các chủ thể tham gia hợp đồng mà nó còn có ý nghĩa đối với các bên thứ ba có liên quan. Chế định này không chỉ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên khi tham gia quan hệ hợp đồng mà còn giúp các bên chủ động hơn trong việc thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm của mình, phòng tránh những rủi ro về thiệt hại có thể xảy ra.

Kết luận chương 1

Một trong những hậu quả pháp lý mà bên vi phạm hợp đồng phải gánh chịu là bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Tuy nhiên, nếu bên vi phạm chứng minh được mình không có lỗi do rơi vào các trường hợp được miễn trừ trách nhiệm theo quy định của pháp luật thì bên vi phạm sẽ không phải chịu các chế tài pháp lý. Một trong những trường hợp bên vi phạm được miễn trừ trách nhiệm là hành vi vi phạm của họ do lỗi của người thứ ba (là bên thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng).

Chương 2.

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM DO HÀNH VI CỦA NGƯỜI THỨ BA TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC VIÊN 1980 VÀ THỰC TIỄN TẠI VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của Công ước Viên 1980 và pháp luật Việt Nam

2.1.1. Quy định của Công ước Viên 1980 về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế là loại hợp đồng phổ biến được ký kết giữa các thương nhân hiện nay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, một trong các bên vi phạm hợp đồng nhưng lại viện dẫn lỗi của người thứ ba để được miễn trừ trách nhiệm.

Tại khoản 2 Điều 79 Công ước Viên 1980: *“Nếu một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình do người thứ ba mà họ nhờ thực hiện toàn phần hay một phần hợp đồng cũng không thực hiện điều đó thì bên ấy chỉ được miễn trách nhiệm trong trường hợp:*

- a. Bên này được miễn trách nhiệm chiếu theo quy định của khoản trên;*
- b. Người thứ ba cũng sẽ được miễn trách nhiệm nếu các quy định của khoản trên được áp dụng cho họ.”*

Mặc dù, Công ước Viên 1980 không đưa ra khái niệm cũng không liệt kê bất cứ sự kiện nào được xem là trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của bên thứ

ba tham gia thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng mà chỉ đưa ra các dấu hiệu để xác định. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Công ước Viên 1980, trong hoàn cảnh này, bên vi phạm sẽ chỉ được miễn trách nếu như: (1) bên vi phạm được miễn trách theo khoản 1 Điều 79 (tức là việc bên thứ ba không thực hiện hợp đồng cấu thành một trường hợp bất khả kháng đối với bên vi phạm); và (2) bên thứ ba cũng được miễn trách khi áp dụng các điều kiện tại khoản 1 Điều 79 cho bên đó (hay nói cách khác, bên thứ ba không thực hiện hợp đồng là do gặp bất khả kháng).

Do đó, để được miễn trừ trách nhiệm thì cả hai điều kiện nói trên phải được đồng thời đáp ứng.

Điều kiện (1) bên vi phạm được miễn trách theo khoản 1 Điều 79 (tức là việc bên thứ ba không thực hiện hợp đồng cấu thành một trường hợp bất khả kháng đối với bên vi phạm);

Để đáp ứng được điều kiện thứ nhất, hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng của bên thứ nhất phải do một trở ngại nằm ngoài tầm kiểm soát, mà trở ngại này đến từ việc người thứ ba không thực hiện hợp đồng. Tức là, việc người thứ ba độc lập không thực hiện hợp đồng phải là một sự kiện khách quan với bên vi phạm hợp đồng mà bên vi phạm này không thể lường trước hay có thể khắc phục được. Cụ thể hơn, giả sử khi nhà cung cấp vi phạm nghĩa vụ giao hàng với bên bán (ví dụ không giao hàng hay giao hàng muộn), bên bán phải chịu trách nhiệm với bên mua về việc này vì đã chọn nhà cung cấp không phù hợp. Mặt khác, trong mọi trường hợp, bên bán luôn có thể tìm một nhà cung cấp thay thế. Trường hợp ngoại lệ chỉ xảy ra khi nhà cung cấp là độc quyền hoặc là nhà cung cấp duy nhất có thể cung cấp một lượng hàng đủ lớn theo đơn hàng của bên mua. Lúc này, bên bán không thể có một nhà cung cấp thay thế phù hợp và được coi là gặp “trở ngại nằm ngoài tầm kiểm soát” của bên bán khi nhà cung cấp này vi phạm hợp đồng với bên bán (điều kiện thứ nhất ở trên được đáp ứng).⁴

Điều kiện (2) Bên thứ ba cũng được miễn trách khi áp dụng các điều kiện tại khoản 1 Điều 79 cho bên đó (hay nói cách khác, bên thứ ba không thực hiện hợp đồng là do gặp bất khả kháng).

Hiện nay, chưa có bất kỳ một định nghĩa của cơ quan chuyên trách Công ước Viên 1980 nào để hiểu bên thứ ba được nhắc đến ở đây là như thế nào.

Để điều kiện (2) được đáp ứng cần hiểu có hai vấn đề liên quan đến điều kiện này gồm: Người thứ ba là ai và người thứ ba phải gặp trường hợp bất khả kháng.

Một là, người thứ ba là bên tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng giữa bên bán và bên mua.

Để áp dụng điều khoản này, việc xác định rõ “người thứ ba” theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Công ước Viên 1980 cũng rất quan trọng. Hiện tại, Hội

⁴ Lê Hiền, Miễn trách nhiệm do lỗi của bên thứ ba tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định của pháp luật quốc tế, <http://caodangluatmientrung.edu.vn/vi/news/Nghien-cuu-trao-doi/Mien-trach-nhiem-do-loi-cua-ben-thu-ba-tham-gia-thuc-hien-mot-phan-hoac-toan-bo-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-quoc-te-776.html>, Truy cập ngày 10/2/2023.

đồng tư vấn Công ước Viên 1980 xác định có ít nhất 02 loại “người thứ ba” khác nhau, nhưng chỉ có một loại là thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 2 Điều 79 Công ước Viên 1980 .

Nhóm thứ nhất là những “người thứ ba” được người mua cho phép hỗ trợ hoặc tạo tiền đề cho việc giao hàng phù hợp của người bán nhưng hoàn toàn không được người bán ủy thác thực hiện hợp đồng. Những “người thứ ba” này có thể khác biệt và tách biệt với người bán, chẳng hạn như nhà cung cấp nguyên liệu thô, nhà thầu phụ của các bộ phận bán sản xuất. Ví dụ, bên cung cấp da cho nhà máy sản xuất giày da xuất khẩu. Các nhà cung cấp nguyên liệu hoặc nhà thầu phụ là bên thứ ba, mà là bên làm nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên liệu cho người bán

Nhóm thứ hai là những “Người thứ ba” được xác định là những người “độc lập” được bên bán giao tham gia để thực hiện trực tiếp tất cả hoặc một phần hợp đồng với người mua. Tuy rằng không dễ để xác định chính xác “... Một người thứ ba đã tham gia để thực hiện toàn bộ hoặc một phần của hợp đồng...”, nhưng dường như quy định đã chỉ ra những người thứ ba đó là những người không giống như nhà cung cấp nguyên liệu hay những người phụ thuộc vào người bán. Đó không chỉ là những cá nhân hoặc pháp nhân riêng biệt mà còn độc lập về mặt kinh tế và chức năng với bên bán, bên ngoài cơ cấu tổ chức của bên bán, không thuộc phạm vi kiểm soát hoặc trách nhiệm của bên bán. Nhóm người này được cho là nằm trong phạm vi điều chỉnh của Điều 79 vì nếu bên thứ ba nằm trong sự quản lý của bên vi phạm thì hành vi của bên thứ ba cũng được đồng nhất với hành vi của bên vi phạm. Ngoài ra, về cách hiểu thế nào là việc “tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng” của người thứ ba nêu trên, Công ước Viên 1980 tạm thời cũng chưa giải thích rõ.⁵

Tuy nhiên, theo quan điểm của Công ước Viên 1980 Advisory Council (Hội đồng cố vấn Công ước Viên 1980) tại tùy chọn số 7⁶ chúng ta có thể hiểu rằng bên thứ ba là một bên độc lập về cả kinh tế lẫn chức năng với bên vi phạm, bên thứ ba không nằm trong cơ cấu tổ chức của bên vi phạm và cũng không phải chịu bất cứ sự quản lý nào từ phía bên vi phạm. Cách hiểu này là hợp lý, bởi lẽ nếu bên thứ ba chịu sự quản lý của bên vi phạm thì hành vi vi phạm của bên thứ ba sẽ đồng nhất với hành vi của bên vi phạm và đương nhiên sẽ không được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp này. Ngoài ra, bên thứ ba phải được bên vi phạm giao cho việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng.

Như vậy, có thể hiểu là giữa bên thứ ba và bên vi phạm (bên vi phạm hợp đồng mua bán hàng hoá) có quan hệ hợp đồng với nhau, hợp đồng phụ này được ký sau khi bên bán và bên mua ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với nhau, việc thực hiện hợp đồng giữa bên thứ ba với bên bị vi phạm chính là phương tiện để bên vi phạm thực hiện hợp đồng chính của mình.

Hai là, người thứ ba cũng phải gặp phải trường hợp bất khả kháng

⁵ Lê Thị Anh Xuân, Nguyễn Thị Minh Trang (2021), Miễn trách nhiệm do có sự tham gia của bên thứ ba theo CISG 1980 và pháp luật Việt Nam, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, tr145-150.

⁶Giáo sư Alejandro M. Garro, Trường Luật Đại học Columbia, New York, NY, Hoa Kỳ <https://www.cisgac.com/cisgac-opinion-no7> , truy cập ngày 10/3/2023.

Điều kiện (2) chỉ xảy ra khi chính người thứ ba là nhà cung cấp của người bán vi phạm hợp đồng do gặp phải trường hợp bất khả kháng (ví dụ do gặp phải động đất hay thiên tai) khiến cho họ không thể cung cấp hàng theo hợp đồng cho người bán (bên vi phạm). Trường hợp này, người bán sẽ không nhận được khoản bồi thường nào (do nhà cung cấp được miễn trách).

Điều kiện thứ hai đòi hỏi người thứ ba không thực hiện hợp đồng khiến bên vi phạm vi phạm nghĩa vụ phải là do họ gặp một trường hợp trở ngại nằm ngoài tầm kiểm soát. Bởi vì, trong mọi tình huống, khi người thứ ba vi phạm hợp đồng với bên bán thì người thứ ba này sẽ phải bồi thường theo hợp đồng giữa họ và bên bán, và bên bán sẽ phải bồi thường cho bên mua do vi phạm hợp đồng với bên bán. Điều kiện thứ hai chỉ xảy ra khi chính người thứ ba cũng vi phạm hợp đồng với bên bán do gặp phải một “trở ngại nằm ngoài tầm kiểm soát” của họ (ví dụ do gặp phải động đất, thiên tai) khiến cho họ không thể cung cấp hàng hóa theo hợp đồng cho bên bán. Trong trường hợp này, bên bán sẽ không nhận được khoản bồi thường nào (do người thứ ba được miễn trách nhiệm theo khoản 1 Điều 79 công ước Viên 1980).⁷

Theo khoản 1 Điều 79 Công ước Viên 1980 thì sự kiện bất khả kháng sẽ là căn cứ để bên vi phạm nghĩa vụ hợp đồng được miễn trách nhiệm⁸.

“Một bên không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện bất kỳ một nghĩa vụ nào đó của họ nếu chứng minh được rằng việc không thực hiện đó là do một trở ngại nằm ngoài sự kiểm soát của họ và người ta không thể chờ đợi một cách hợp lý rằng họ phải tính tới trở ngại đó vào lúc kí kết hợp đồng hoặc là tránh được hay khắc phục được hậu quả của nó”.

Công ước Viên 1980 quy định về bất khả kháng tại Điều 79 dưới tiêu đề “miễn trách” theo đó, có ba dấu hiệu cơ bản để cấu thành một sự kiện bất khả kháng trong miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:

Thứ nhất, đó là sự trở ngại diễn ra một cách khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của bên có nghĩa vụ. Tính khách quan ở đây được hiểu là sự trở ngại xảy ra do hoàn toàn do yếu tố bên ngoài mà không phụ thuộc vào ý chí hay chịu bất cứ sự tác động nào từ phía con người hay các bên tham gia hợp đồng. Sự trở ngại này dù là diễn ra, thay đổi hay chấm dứt đều độc lập với ý chí và mong muốn của các bên tham gia hợp đồng.

Thứ hai, vào thời điểm giao kết hợp đồng các bên không thể biết trước và lường trước được sự việc. Sự trở ngại đó phải xảy ra sau khi các bên ký kết hợp đồng với nhau. Và tại thời điểm giao kết hợp đồng thì các bên không biết được, không thể lường trước được hoặc cũng không có bất kỳ một căn cứ hợp lý nào để các bên tham gia phải biết hoặc phải biết trước, lường trước được rằng sẽ xảy ra sự kiện đó. Nếu một bên hoặc các bên khi tham gia ký kết hợp đồng có thể biết và lường trước được sự trở ngại đó sẽ xảy ra thì sự trở ngại đó sẽ không phải là

⁷ Nhóm CISG 1980 Việt Nam (2016), 101 câu hỏi đáp về Công ước của Liên hợp quốc về mua bán hàng hoá quốc tế (CISG 1980). Nguồn truy cập: http://viac_101cauhoidapCISG_1980_2016_15-12-2016-1046pdf.pdf, truy cập ngày 12/1/2023.

⁸ Công ước Viên 1980, Công ước của Liên Hợp quốc về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

sự kiện bất khả kháng và cũng không được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp này.

Thứ ba, bên có nghĩa vụ không thể nào tránh được và cũng không thể khắc phục được hậu quả mà sự trở ngại đó gây ra.

Như vậy, có thể thấy để áp dụng điều kiện miễn trách theo khoản 2 Điều 79 Công ước Viên 1980, bên vi phạm phải chứng minh được điều kiện kép đồng thời được áp dụng cho cả bên thứ ba và cho chính mình.⁹

2.1.2. Pháp luật Việt Nam về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Hiện nay, các chế định miễn trách khi vi phạm hợp đồng thương mại được quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Thương mại năm 2005.

Tại khoản 2 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015 về trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ quy định:

“Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Tại khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 quy định về các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm:

“Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thỏa thuận;
- b) Xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- c) Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia;
- d) Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng”.

Theo đó, không có điều khoản miễn trách nào đề cập cụ thể đến trường hợp do lỗi của bên thứ ba.

Tuy nhiên, về việc thực hiện nghĩa vụ thông qua bên thứ ba tại Điều 283, Điều 414, Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định trường hợp không thực hiện được nghĩa vụ nhưng không do lỗi của các bên có hai cách hiểu.

Thứ nhất, bên không thực hiện nghĩa vụ không có quyền yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong suốt hợp đồng song vụ - nghĩa là bên kia sẽ không phải thực hiện nghĩa vụ nào đối với bên không thực hiện được nghĩa vụ.

Thứ hai, bên không thực hiện nghĩa vụ không có quyền yêu cầu bên kia thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong khoảng thời gian nhất định. Quy định trên có đề cập đến bên thứ ba, tuy nhiên chưa xác định cụ thể địa vị pháp lý của bên đó trong quan hệ hợp đồng giữa hai bên. Đồng thời yếu tố lỗi của bên thứ ba là lỗi chủ quan hay khách quan chưa làm rõ. Trong quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa, khi các bên viện dẫn trường hợp miễn trách theo quy định pháp luật dân sự

⁹ Lê Thị Anh Xuân, Nguyễn Thị Minh Trang (2021), Miễn trách nhiệm do có sự tham gia của bên thứ ba theo CISG 1980 và pháp luật Việt Nam, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, tr145-150.

thì bên vi phạm đương nhiên có cơ hội trốn tránh trách nhiệm khi xác định bên thứ ba là người làm công, nhân viên, hay người được ủy quyền.¹⁰

2.1.3. Nghĩa vụ khi xảy ra trường hợp áp dụng miễn trừ theo quy định của Công ước Viên 1980

Khi một trong các bên trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế rơi vào các trường hợp miễn trừ trách nhiệm thì không đương nhiên họ được miễn trách. Pháp luật các quốc gia cũng như Công ước Viên 1980 đều có các quy định cụ thể về nghĩa vụ khi xảy ra trường hợp miễn trừ trách nhiệm.

Theo đó, về thời hạn được miễn trừ trách nhiệm, Công ước Viên 1980 quy định sự miễn trách chỉ có hiệu lực trong thời kì tồn tại sự kiện khó khăn, trở ngại.

Về nghĩa vụ thông báo, theo Công ước Viên 1980 bên nào không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải thông báo cho bên kia biết về trở ngại và ảnh hưởng của nó đối với khả năng thực hiện nghĩa vụ. Nếu thông báo không tới tay bên kia trong một thời hạn hợp lý từ khi bên không thực hiện nghĩa vụ đã biết hay đáng lẽ phải biết về trở ngại đó thì họ sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do việc bên kia không nhận được thông báo.

Khi xảy ra các trường hợp được miễn trừ trách nhiệm vừa nêu trên thì bên vi phạm có trách nhiệm phải thực hiện hai nghĩa vụ cơ bản để được miễn trừ đối với hành vi vi phạm của mình.

(i) Bên vi phạm phải thông báo cho bên bị vi phạm biết về sự tồn tại và diễn ra cũng như những hậu quả có thể xảy ra xuất phát từ hành vi vi phạm đó.

(ii) Bên cạnh nghĩa vụ thông báo cho bên bị vi phạm biết thì bên vi phạm còn có nghĩa vụ phải chứng minh về trường hợp miễn trừ trách nhiệm của mình.

Như vậy, khi các trường hợp miễn trừ trách nhiệm do hành vi vi phạm hợp đồng xảy ra thì bên vi phạm sẽ không đương nhiên được miễn trừ trách nhiệm nếu như bên này không thông báo và không chứng minh cho bên bị vi phạm biết về trường hợp miễn trừ trách nhiệm đó.

Theo Điều 295 Luật Thương mại năm 2005 về thông báo và xác nhận trường hợp miễn trừ trách nhiệm.

Theo đó, bên vi phạm hợp đồng bắt buộc phải thông báo ngay và thông báo bằng văn bản cho bên bị vi phạm về trường hợp miễn trừ trách cùng với những hậu quả có thể xảy ra của nó. Ngay khi trường hợp miễn trừ trách nhiệm chấm dứt, bên vi phạm có nghĩa vụ thông báo ngay cho bên bị vi phạm biết về sự chấm dứt trường hợp miễn trừ trách đó, nếu như bên vi phạm không thông báo hoặc không thông báo kịp thời thì bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho bên bị vi phạm. Việc bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại khi không thông báo hoặc thông báo không kịp thời ở đây mang tính chất khắc phục những hậu quả đã xảy ra.

Ngoài nghĩa vụ thông báo cho bên bị vi phạm biết thì bên vi phạm còn có nghĩa vụ phải chứng minh về trường hợp miễn trừ trách nhiệm của mình. Thông

¹⁰ Lê Hiền, Miễn trách nhiệm do lỗi của bên thứ ba tham gia thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định của pháp luật quốc tế, <http://caodangluatmientrung.edu.vn/vi/news/Nghien-cuu-trao-doi/Mien-trach-nhiem-do-loi-cua-ben-thu-ba-tham-gia-thuc-hien-mot-phan-hoac-toan-bo-hop-dong-mua-ban-hang-hoa-theo-quy-dinh-cua-phap-luat-quoc-te-776.html>, truy cập ngày 10/2/2023.

thường bên vi phạm phải đưa ra các căn cứ, bằng chứng chứng minh mình gặp bất khả kháng, các bằng chứng này phải có cơ sở và được cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp chấp nhận thì bên vi phạm mới có thể được miễn trừ trách nhiệm.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Đối với trường hợp thực hiện nghĩa vụ hợp đồng do yếu tố lỗi của bên thứ ba do lỗi khách quan thường là trường hợp bên thứ ba là bên thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng rơi vào trường hợp bất khả kháng. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam không có quy định cụ thể, rõ ràng nào về căn cứ để miễn trừ trách nhiệm của một bên (bên vi phạm) do lỗi của người thứ ba khi người thứ ba rơi vào trường hợp bất khả kháng.

2.3. Đánh giá khả năng nội luật hoá quy định của Công ước Viên 1980 về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Có thể thấy, mặc dù pháp luật Việt Nam có nhiều điểm tương thích với Công ước Viên 1980 về miễn trách nhiệm do sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, quy định của pháp luật Việt Nam còn có những hạn chế nhất định.

Một là, tại Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 quy định về các trường hợp miễn trách nhiệm do vi phạm hợp đồng nói chung, hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế nói riêng. Tuy nhiên, Điều luật này cũng chưa dự liệu trường hợp miễn trách nhiệm do một bên uỷ quyền cho bên thứ ba thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà bên thứ ba này vi phạm nghĩa vụ trong một số trường hợp cụ thể. Trong khi đó, Công ước Viên 1980 lại quy định rất cụ thể về trường hợp miễn trách nhiệm do lỗi của người thứ ba (là bên thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng rơi vào trường hợp bất khả kháng).

Hai là, tại điểm b khoản 1 Điều 294 Luật Thương mại năm 2005 chỉ quy định một cách chung chung rằng sự kiện bất khả kháng là một căn cứ để được miễn trừ trách nhiệm do hành vi vi phạm mà không nêu rõ sự kiện này sẽ được thừa nhận là một căn cứ miễn trừ trách nhiệm nếu sự kiện bất khả kháng đó xảy ra đối với các bên trong hợp đồng hoặc đối với bên thứ ba có liên quan. Tuy nhiên, điều này được ghi nhận rõ ràng trong quy định tại khoản 2 Điều 79 của Công ước Viên 1980 mà theo đó bên vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng sẽ không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì nếu như hành vi vi phạm đó xuất phát trực tiếp từ sự kiện bất khả kháng.

Ba là, trong quy định của Luật Thương mại hiện hành cũng không giải thích như thế nào là sự kiện bất khả kháng và khi nói về sự kiện bất khả kháng đó thì người ta lại căn cứ vào mối quan hệ giữa luật chung và luật riêng đó là Bộ luật Dân sự và Luật thương mại.

Kết luận chương 2

Nội dung của chương này chủ yếu phân tích về năm trường hợp miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam so sánh với quy định của CISG mà Việt Nam đã gia nhập vào cuối tháng 12/2015 trở thành thành viên thứ 84 của công ước. Chương 2 của Luận văn tập trung vào các vấn đề sau:

Thứ nhất, phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng so sánh với Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế.

Thứ hai, Luận văn đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, cho thấy, thực trạng áp dụng pháp luật về miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng, hay trong trường hợp do các bên thoả thuận còn nhiều khó khăn do cách hiểu thế nào là bất khả kháng còn chưa thống nhất. Chính vì vậy, luận văn đã có các đánh giá để làm cơ sở cho giải pháp ở chương 3.

Chương 3.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ MIỄN TRÁCH NHIỆM DO HÀNH VI CỦA NGƯỜI THỨ BA TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

3.1.1. Thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước

Để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng đòi hỏi của quá trình hội nhập cũng như phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách cơ bản.

Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam năm đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Nghị quyết số 48-NQ/TW) đã khẳng định chủ trương “Tiếp tục ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, thương mại, đầu tư, tín dụng quốc tế, sở hữu trí tuệ, thuế quan, bảo vệ môi trường”.

Ngày 30/5/2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị số 04/2016/CT-CA về việc tăng cường công tác phát triển và công bố án lệ, áp dụng án lệ trong xét xử.

Với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi nước ta càng phải hoàn thiện hệ thống pháp luật thương mại quốc tế với các quy định rõ ràng, đầy đủ, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tạo nên một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ và đáp ứng đòi hỏi của các cam kết quốc tế.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện pháp luật về miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế

Thứ nhất, đảm bảo nguyên tắc toàn diện, đồng bộ giữa các văn bản pháp luật trong nước với các điều ước quốc tế.

Thứ hai, đảm bảo việc kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật phải đặt trong mối quan hệ gắn bó tổng thể của toàn bộ hệ thống pháp luật.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Thứ nhất, Pháp luật Việt Nam cần có quy định cụ thể, rõ ràng về khái niệm hợp đồng thương mại quốc tế nói chung, hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế nói riêng.

Thứ hai, bổ sung trường hợp miễn trách do hành vi của người thứ ba là bên thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng.

Quy định này nên theo hướng:

“Nếu một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình do người thứ ba mà họ nhờ thực hiện toàn phần hay một phần hợp đồng cũng không thực hiện điều đó thì bên vi phạm nghĩa vụ có thể được miễn trách nhiệm trong trường hợp:

Bên không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng rơi vào trường hợp bất khả kháng;

Người thứ ba cũng sẽ được miễn trách nếu họ rơi vào trường hợp bất khả kháng.

Bên thứ ba vi phạm hợp đồng là nguyên nhân chính và trực tiếp kéo theo sự vi phạm của một bên trong hợp đồng chính và bên vi phạm không thể nào ngăn được, khắc phục được sự vi phạm xảy ra.

Thứ ba, cần quy định cụ thể, rõ ràng hơn về trường hợp bất khả kháng

Chính vì vậy, pháp luật Việt Nam cần có quy định cụ thể về điều kiện áp dụng để một sự kiện bất khả kháng là căn cứ miễn trừ trách nhiệm với bên thứ ba và đồng thời cũng là căn cứ để miễn trách nhiệm cho bên vi phạm trong hợp đồng.

Việc ghi nhận và làm rõ các điều kiện áp dụng này vô cùng quan trọng và cần thiết, bởi lẽ nó là cơ sở cụ thể và chính xác nhất để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến miễn trừ trách nhiệm khi có tranh chấp xảy ra trong hợp đồng. Ngoài ra, việc ghi nhận các điều kiện này cũng vừa đảm bảo nguyên lý về mối quan hệ nhân quả và nguyên tắc xác định lỗi vừa tạo điều kiện để cơ quan nhà nước có thẩm quyền vận dụng một cách linh hoạt khi đánh giá về một sự kiện là căn cứ để được miễn trừ trách nhiệm.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

Thứ nhất, cần có các khoá học ngắn hạn hay các buổi trao đổi, tập huấn cho các doanh nghiệp Việt Nam về Công ước Viên 1980 và pháp luật Việt Nam về miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế đặc biệt là miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba.

Thứ hai, cần chú trọng điều khoản miễn trừ trách nhiệm khi soạn thảo, ký kết, và thực hiện hợp đồng.

Thứ ba, tăng cường năng lực cho đội ngũ thẩm phán và cán bộ làm công tác giải quyết tranh chấp, đội ngũ thẩm phán giải quyết các tranh chấp hợp đồng theo đánh giá chung hiện nay vẫn còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng chuyên môn.

Thứ tư, tập huấn đầy đủ các quy định của Điều ước quốc tế và các văn bản có liên quan đến miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế cho đội ngũ thẩm phán, trọng tài,... đồng thời học hỏi kinh nghiệm giải quyết tranh chấp từ các quốc gia khi áp dụng Công ước Viên 1980 về miễn trừ trách nhiệm do hành vi vi phạm của người thứ ba.

Thứ năm, tiếp tục xây dựng và phát triển các án lệ về giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế nói chung, về miễn trách nhiệm do sự kiện bất khả kháng, miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba nói riêng theo định hướng và phù hợp với Nghị quyết 03/2015/NQ-HĐTP về quy trình công bố, lựa chọn và áp dụng án lệ.

Kết luận chương 3

Qua phân tích quy định của Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế và phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về trường hợp miễn trách nhiệm do hành vi của người thứ ba là bên thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng đã cho thấy điểm chưa tương thích của pháp luật Việt Nam với Công ước Viên 1980 mà Việt Nam là thành viên, cũng như một số bất cập trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện hành.

KẾT LUẬN

Công ước Viên cũng như pháp luật các quốc gia đều có quy định về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Nếu một trong các bên rơi vào trường hợp miễn trừ trách nhiệm trong đó có trường hợp miễn trừ trách nhiệm do hành vi của người thứ ba và họ chứng minh được điều đó thì họ sẽ không phải chịu các chế tài của pháp luật, tức là không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Chính vì vậy, hiểu rõ các quy định của pháp luật cũng như quy định của Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế sẽ giúp ch việc áp dụng pháp luật một cách hiệu quả, giúp các doanh nghiệp hạn chế được các rủi ro và bảo vệ được quyền, lợi ích của mình khi xảy ra các trường hợp miễn trừ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO